

Số: 175/QĐ- STP

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019 CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3799/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân tỉnh Khánh Hoà về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Chánh Văn phòng Sở và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *val*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh KH;
- KBNN tỉnh KH;
- Lưu: VT, KT, kế toán.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

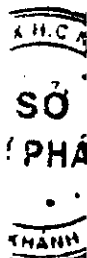
SỞ TƯ PHÁP KHÁNH HOÀ

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-STP ngày 27/12/2018 của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị : triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX		Số được sử dụng
			Ngân sách giữ	Đơn vị giữ	
	TỔNG SỐ	11.053	399	157	10.497
A	Chi quản lý hành chính	6.543	194	103	6.246
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	4.008	0	103	3.905
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.028		103	925
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	2.949			2.949
	- Kinh phí cán bộ nguồn dự bị dài hạn	31			31
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	335			335
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	2.200	194	0	2.006
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	46			46
	- Kinh phí phổ biến pháp luật	570	57		513
	- Kinh phí trang Web	160	16		144
	- Kinh phí thẩm định văn bản	100	10		90
	- Kinh phí Ban chỉ đạo Trợ giúp pháp lý	100	10		90
	- Chi đoàn ra, đoàn vào (Đoàn Lào)	350	35		315
	- Mua trang thiết bị hỗ trợ cho Lào	350	35		315
	- Trang phục cho 2 thanh tra	13			13
	- Hoạt động kiểm soát TTHC	10			10
	- Quản lý XLVPHC và theo dõi THPL	135	13		122
	- Đề án công chứng, cập nhật dữ liệu	80	8		72
	- H/động bồi thường NN, giao dịch bảo đảm	87			87
	- Xử lý thông tin LLTP tồn đọng trước 2018	50			50
	- Hoạt động hỗ trợ tư pháp	49			49
	- Nâng cấp trang thông tin điện tử PBGDPL	100	10		90
B	Chi sự nghiệp	4.510	205	54	4.251
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	2.190	0	54	2.136
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	538		54	484
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	1.652			1.652
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	191			191
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	2.129	205	0	1.924
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	50			50
	- Hoạt động TGPL theo Quyết định 32/2012/QĐ-TTg cho người nghèo, dân tộc	480	48		432
	- Hoạt động TGPL theo Thông tư 11 về TGPL trong hoạt động tổ tụng	120	12		108
	- Hoạt động TGPL theo Quyết định 3517/QĐ-UBND cho người khuyết tật	350	35		315
	- Trang phục cho Trợ giúp viên pháp lý	29			29
	- Hoạt động theo Thông tư 209/2012/TTTLT - BTC-BTP	1.100	110		990



II. DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU ĐỀ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN

STT	Nội dung	Tổng số	Đề lại đơn vị	Nộp ngân sách
	Tổng số	5.590	3.752	1.838
1	Phí, Lệ phí (văn phòng Sở)	1.210	352	858
	- <i>Phí hộ tịch</i>	10	6	4
	- <i>Phí cung cấp thông tin LLTP</i>	1.200	346	854
2	Phí đầu giá tài sản	450	450	0
3	Phí công chứng	3.930	2.950	980

